

Số: /BC-STP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

### **Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2026/SKHĐT-ĐKKD ngày 10/6/2020 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 130 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

#### **I. Hồ sơ thẩm định**

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo Tờ trình, Quyết định, Quy chế.
2. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, bản sao ý kiến góp ý của các đơn vị.
3. Kết quả lấy ý kiến đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai.

#### **II. Nội dung thẩm định**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định**

Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến tại khoản 2 mục II báo cáo thẩm định và nội dung ý kiến đối với dự thảo Quy chế tại khoản 3.2 mục III báo cáo thẩm định này.

##### **2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật**

Căn cứ Điều 2 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch về Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập quy định: “Căn cứ

*Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư này và đặc điểm, điều kiện, tình hình phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn địa phương mình trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trước ngày 01 tháng 9 năm 2015”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó...*” việc cơ quan soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định nêu trên nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và thay thế Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND là phù hợp về thẩm quyền theo quy định.

Bên cạnh nội dung được giao tại Thông tư là “ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn địa phương mình trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập” thì dự thảo Quyết định còn mở rộng đối tượng là quản lý là “**hợp tác xã và hộ kinh doanh**”. Nhằm đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phù hợp với đặc điểm, điều kiện, tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Việc mở rộng đối tượng để phối hợp thực hiện quản lý là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, phù hợp về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, nội dung Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV hướng dẫn cụ thể nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập nhưng không có hướng dẫn nội dung quản lý nhà nước đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh. Theo đó, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý để quy định nội dung quản lý đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh tại nội dung dự thảo.

### **3. Về nội dung dự thảo**

#### **3.1. Đối với dự thảo Quyết định**

a) Tại căn cứ ban hành,

- Tại căn cứ thứ 7, đề nghị trình bày văn bản làm căn cứ cho phù hợp như sau: “*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*”

- Đề nghị xuống dòng đối với từng văn bản làm căn cứ.

b) Đề nghị thống nhất trình bày đầy đủ cụm từ “Ủy ban nhân dân” trong toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định, Quy chế.

c) Tại nơi nhận, căn cứ khoản 2 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị bổ sung “viết tắt tên người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành”.

### 3.2. Đối với dự thảo Quy chế

a) Tại trích yếu nội dung, đề nghị bỏ cụm từ “Quy chế” ở đầu câu, vì thừa.

b) Tại Điều 1, đề nghị chỉnh sửa và trình bày như sau:

Quy chế này quy định nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, các nội dung cụ thể như sau:

*... (Đề nghị bổ sung trình bày các nội dung đảm bảo theo thứ tự nội dung tiêu đề các Chương II, III, IV) ”.*

c) Tại Điều 2, tại khoản 4, đề nghị bỏ đoạn “Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa bàn cấp huyện.”, vì đây chính là cơ quan cấp Trung ương đặt tại tỉnh đã đề cập tại khoản 3 điều này.

d) Tại Điều 3, Điều 6, về giải thích từ ngữ và nguyên tắc phối hợp đã được quy định rõ tại Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV và Luật Hợp tác xã. Theo đó, Sở Tư pháp đề nghị xem xét không trình bày lại trong dự thảo Quyết định; trường hợp cần thiết trình bày thì đề nghị trình bày theo hướng viện dẫn theo quy định.

e) Tại điểm b khoản 1 Điều 8, đề nghị xác định lại đối tượng để đảm bảo phù hợp với đối tượng điều chỉnh của dự thảo, cụ thể “quỹ tín dụng nhân dân” có thuộc đối tượng điều chỉnh của dự thảo là “doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh”. Tương tự, rà soát lại trong toàn bộ nội dung dự thảo.

g) Tại khoản 1 Điều 11, đề nghị quy định thông tin công khai đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV, cụ thể: “Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”

h) Tại khoản 1 Điều 12, đề nghị bổ sung trình bày đầy đủ như sau:

“1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giữa các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện bằng hình thức gửi bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử.... *(như nội dung còn lại).*”

i) Tại khoản 4 Điều 13, đề nghị làm rõ “nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về số lượng lao động thường xuyên sử dụng từ 10 lao động trở lên” bao gồm những nội dung nào.

k) Tại điểm a khoản 2 Điều 14

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra “*Thời gian trình dự thảo kế hoạch thanh tra để Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt*

*chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm. Việc phê duyệt kế hoạch thanh tra phải thực hiện bằng văn bản” là phù hợp và thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV:*

*“Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 2 Quy chế này gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh.*

*Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.*

*Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của tỉnh, thành phố mình”.*

Theo đó, đề nghị xác định chính xác lại thời gian và cơ quan thực hiện gửi kế hoạch thanh tra như sau:

*“Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này gửi Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề đến Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý chồng chéo.*

*Thanh tra tỉnh tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này...”*

#### 1) Tại Điều 15

- Tại khoản 1, đề nghị nghiên cứu nội dung Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV để xác định cơ quan chủ trì Đoàn thanh tra liên ngành, Đoàn kiểm tra liên ngành đảm bảo phù hợp theo đúng quy định.

- Tại khoản 3, đề nghị thay cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” thành “Ủy ban nhân dân tỉnh”.

- Tại khoản 4, đề nghị xác định rõ việc công khai kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên Cổng thông tin, Trang thông tin cụ thể.

m) Tại điểm đ Điều 18, đề nghị bỏ, vì dự thảo quy chế đã quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, theo đó việc ban hành quy chế phối hợp riêng giữa các cơ quan là không cần thiết.

n) Tại khoản 4 Điều 19, đề nghị xác định thời gian tổng hợp, trình dự thảo báo cáo đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV, cụ thể: Thông tư liên tịch 04/2015/TTLT-

BKHĐT-BTC-BNV quy định “trong tháng 2 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập...”. Theo đó, tại khoản 4 Điều 19, đề nghị xác định lại thời gian dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh để đảm bảo thời gian để lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn chỉnh dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành trong tháng 2 hàng năm (*mốc thời gian trước ngày 25 tháng 2 là quá trễ*).

o) Tại Điều 20 về trách nhiệm thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung trách nhiệm của các đơn vị liên quan, đối với các trách nhiệm đã trình bày cụ thể tại nội dung phối hợp thì đề nghị xem xét, không tiếp tục trình bày lại.

p) Đánh số trang: Căn cứ Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh đầy đủ số trang theo đúng quy định.

\*Về nội dung quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, hộ kinh doanh, theo như ý kiến tại khoản 2 mục II báo cáo thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo cần đánh giá, giải trình rõ cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **3.3. Đối với Phụ lục Bảng phân công quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh theo chuyên ngành**

Trong hồ sơ kèm theo có Bảng phân công quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh theo chuyên ngành để phân công các Sở, ngành quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đăng ký theo Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Quyết định, Quy chế, Sở Tư pháp không thấy ghi chỉ dẫn hoặc phụ lục kèm theo về Bảng phân công này là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Phần văn bản ban hành kèm theo văn bản khác chứa đựng các nội dung quy định về việc ban hành kèm theo văn bản đó, tổ chức thực hiện và hiệu lực của văn bản*”.

Đồng thời, qua rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp chưa thấy quy định nào giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung này. Theo nội dung dự thảo Tờ trình có giải trình là theo căn cứ thực tế địa phương và tham khảo thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh để làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành là chưa đủ cơ sở, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc việc tham mưu Ủy ban nhân dân nội dung này.

### **3.4. Đối với dự thảo Tờ trình**

a) Căn cứ mẫu số 3 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa và trình bày đoạn mở đầu của Tờ trình như sau:

“Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 8090/UBND-KTNS ngày 16/7/2019...”

b) Trên cơ sở ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định, Quy chế, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh nội dung Tờ trình.

c) Đánh số trang: Căn cứ khoản 7 mục I phần I phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định “*Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất*”, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang theo đúng quy định.

### **III. Kết luận**

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung trên, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

**1.** Dự thảo định Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, phù hợp về thẩm quyền ban hành và tình hình thực tế của địa phương.

**2.** Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn chỉnh nội dung dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Đối với các nội dung ý kiến không tiếp thu, đề nghị có giải trình, báo cáo cụ thể để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - VP. UBND tỉnh (p/h);
  - Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
  - TTTĐT Sở;
  - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Hai – TĐ2020)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Quang Tuấn**